

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2025/DS-PT**

Ngày: 20 - 02 - 2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Phụng.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

2. Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Sơn Cuoi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh Trường G, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/02/2025).

2. *Bị đơn:* Ông Thạch Trường S, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Huỳnh Hồng T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A đường K, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 06-02-2025- có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Ông Thạch Trường S là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo Đơn kiện đề ngày 04/4/2024 cũng như Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn ông Trần Minh Trường G trình bày:

Vào ngày 06/11/2022, ông Trần Minh Trường G cùng với ông Thạch Trường S đã thỏa thuận về nội dung vay tiền để ông S đáo hạn Ngân hàng. Theo đó, ông Thạch Trường S đã vay của ông G tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Hai bên đã tiến hành làm biên nhận cùng ngày. Trong biên nhận không đề cập đến thời gian trả tiền cũng như lãi suất trả. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng lời nói về thời gian trả và lãi suất. Ông Thạch Trường S có nói là trường hợp nếu ông G muốn nhận lại tiền gốc thì phải báo trước cho ông Thạch Trường S biết trước 01 tháng để ông sắp xếp trả tiền. Kể từ khi lập Biên nhận ngày 06/11/2022, thì ông S không có trả lãi hàng tháng theo đúng thỏa thuận, nên ông G có đến gặp ông S yêu cầu ông trả toàn bộ nợ gốc một lần.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thạch Trường S đã trả cho ông G số tiền gốc là 450.000.000 đồng (trả từng lần). Từ tháng 10/2023 ông G có gặp ông Thạch Trường S để yêu cầu ông trả số tiền gốc còn lại nhưng ông Thạch Trường S hẹn, nói chưa có tiền trả và cũng không có trả tiền lãi cho ông G theo như thỏa thuận.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 11 tháng 6 năm 2024 ông Trần Minh Trường G trình bày: Trước đây từ ngày 25/01/2022 đến tháng 9/2022 ông Trần Minh Trường G có cho ông Thạch Trường S mượn số tiền 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) bằng hình thức chuyển khoản (kèm theo bảng sao kê của Ngân hàng từ ngày 25/01/2022 đến ngày 19/9/2022). Đến tháng 10/2022 ông G có cho ông Thạch Trường S vay số tiền 1.000.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản (ngày 27/10/2022 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 28/10/2022 chuyển 400.000.000 đồng và ngày 01/11/2022 chuyển 500.000.000 đồng), do bạn bè làm ăn thân quen nên không có làm biên nhận. Từ 25/11/2022 đến 23/12/2022 ông G có chuyển khoản cho ông S mượn thêm 31.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông đã chuyển khoản cho ông S là 1.090.500.000 đồng. Ông G thừa nhận ông S có chuyển khoản cho ông với số tiền 1.599.950.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Nhưng số tiền này ông S chuyển trả:

- Cho khoản vay theo đơn khởi kiện bổ sung với số tiền 1.090.500.000 đồng (trong đó tiền vay: 1.000.000.000 đồng, tiền mượn: 90.500.000 đồng); Trả tiền lãi thỏa thuận giữa ông và ông S là 3% của số tiền vay 1.000.000.000 đồng, với số tiền lãi là 59.450.000 đồng.

- Trả 450.000.000 đồng của khoản vay theo Giấy Biên nhận tiền. Ông S đã trả cho khoản vay gốc theo biên nhận ngày 06/11/2022 cụ thể: Ngày 24/02/2023 trả 100.000.000 đồng; 06/4/2023 trả 50.000.000 đồng; 05/5/2023 trả 100.000.000

đồng; 19/9/2023 trả 200.000.000 đồng). Việc ông S trình bày trả bằng tiền mặt là không đúng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 23/9/2024 ông G trình bày: Đối với khoản vay 1.090.500.000 đồng, thì do ông S đã trả đủ, nên ông G xin rút lại. Đối với số tiền lãi 59.450.000 đồng, ông S trả không đúng theo thỏa thuận, nhưng ông không yêu cầu ông S không phải trả thêm lãi. Đối với yêu cầu theo đơn khởi kiện bổ sung, ông xin rút lại và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông G chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Thạch Trường G1 trả vốn gốc 1.050.000.000 đồng theo Giấy biên nhận tiền ngày 06/11/2022 và tiền lãi kể từ khi vay đến nay, cụ thể:

- Số tiền lãi từ ngày 06/11/2022 đến ngày 06/10/2023 trên vốn gốc 1.500.000.000 đồng, được tính lãi như sau:  $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 1.67\% \times 11 \text{ tháng} = 275.550.000 \text{ đồng}$ .

- Số tiền lãi từ ngày 07/10/2023 đến ngày 25/9/2024, do ông S đã trả được 450.000.000 đồng, nên số tiền lãi được tính trên vốn gốc còn lại 1.050.000.000 đồng được tính lãi như sau:  $1.050.000.000 \text{ đồng} \times 1.67\% \times 11 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 203.406.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng số lãi: 478.956.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.528.956 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định của số tiền gốc đến khi thanh toán dứt nợ.

\* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 06/11/2022, ông Thạch Trường S có vay 1.500.000.000 đồng của ông Trần Minh Trường G, với lãi suất là 6%/tháng. Đến ngày 06/10/2023, ông S trả cho ông G được 450.000.000 đồng tiền vốn bằng tiền mặt. Từ ngày vay đến ngày 24/01/2024, ông S đóng lãi cho ông G số tiền là: 1.599.950.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

Ông Thạch Trường S cho rằng thời điểm vay tiền gặp khó khăn trong kinh tế và không hiểu biết pháp luật nên đã vay tiền của ông Trần Minh Trường G với lãi suất cao và ông S đã đóng lãi cho ông G vượt quá quy định của pháp luật. Cụ thể, tiền lãi theo quy định của pháp luật phải trả ông G từ ngày vay đến ngày khởi kiện theo đơn khởi kiện ông G yêu cầu là: 380.760.000 đồng. Tiền lãi trả vượt quy định của pháp luật:  $1.599.950.000 \text{ đồng} - 380.760.000 \text{ đồng} = 1.219.190.000 \text{ đồng}$ . Số tiền ông G phải trả lại cho tôi sau khi trừ tiền vốn là:  $1.219.190.000 \text{ đồng} - 1.050.000.000 \text{ đồng} = 169.190.000 \text{ đồng}$ .

Ngoài ra theo tờ tường trình ngày 15/8/2024, bị đơn ông Thạch Trường S trình bày: Giữa ông và ông G là bạn bè, nên ông có vay của ông G số tiền 1.500.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Ngày 27/10/2022 ông

G chuyển cho ông vay 100.000.000 đồng; ngày 28/10/2022 chuyển vay 400.000.000 đồng. Ngày 01/11/2022, chuyển vay hai lần, mỗi lần 499.999.999 đồng. Tổng cộng là 1.499.999.999 đồng. Đến ngày 06/11/2022, ông và ông G tổng kết nợ và ông đã viết cho ông G một tờ biên nhận với số nợ vốn vay còn lại là 1.500.000.000 đồng. Đến ngày 06/10/2023, ông đã trả vốn lãi theo như đơn phản tố. Ngoài ra, ông không còn nợ ông G khoản tiền vay nào nữa. Việc ông G khởi kiện bổ sung yêu cầu ông trả số tiền nợ vay 1.500.000.000 đồng qua chuyển khoản là hoàn toàn vô lý, vì nếu ông nợ tiền vay ông G tổng cộng 2.550.000.000 đồng thì tại sao ông G không khởi kiện 1 lần mà sau khi ông phản tố thì ông G mới khởi kiện bổ sung thêm 1.500.000.000 đồng. Đồng thời khoản tiền vốn chuyển khoản cho ông đều trùng khớp với khoản tiền ông vay ghi trong biên nhận.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn xin rút với số tiền 1.090.500.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc nguyên đơn hoàn trả số tiền lãi đã đóng vượt quy định của pháp luật sau khi trừ hết tiền vốn vay là 169.190.000 đồng.

\* Tại bản án sơ thẩm số 78/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh Trường G Về việc yêu cầu bị đơn ông Thạch Trường S trả số tiền 1.090.500.000 (Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh Trường G: Buộc ông Thạch Trường S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Minh Trường G số tiền 1.528.956.000 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi tám triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Trong đó (Nợ gốc: 1.050.000.000 đồng, nợ lãi 478.956.000 đồng) theo tờ “Giấy biên nhận tiền ngày 06/11/2022”

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền 169.190.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

\* Ngày 30/9/2024, bị đơn ông Thạch Trường S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 78/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu 1 của ông G. Buộc ông G trả cho ông S số tiền 169.190.000 đồng tiền đóng lãi vượt quá quy định của pháp luật sau khi đã khấu trừ các khoản vốn và lãi theo quy định.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Minh Trường G không rút đơn khởi kiện; ông Huỳnh Hồng T đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Thạch Trường S và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn các vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ các chứng cứ và căn cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

#### Về thủ tục tố tụng:

[1] Về người có quyền kháng cáo, nội dung, hình thức và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Thạch Trường S là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Minh Trường G vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Thạch Trường S vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, việc vắng mặt của những người này cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.090.500.000 đồng nợ gốc, vì khoản tiền này nguyên đơn đã được bị đơn ông Thạch Trường S trả nợ xong. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[4] Ngày 09/5/2024, bị đơn ông Thạch Trường S có đơn phản tố và yêu cầu nguyên đơn ông Trần Minh Trường G trả tiền lãi đã đóng vượt 169.190.000 đồng và đến ngày 22/5/2024 thì Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý số 31/TB-TA về việc Thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn. Đến ngày 11/6/2024 thì nguyên đơn ông G khởi kiện bổ sung và đến ngày 26/6/2024 thì Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý số 99/TB-TLVABS về việc Thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông

G thì xét thấy, Tòa án Thủ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng theo quy định tại các Điều 200, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau đó, nguyên đơn khởi kiện bổ sung có nội dung phản đối yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú Thủ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông G là chưa chính xác, vì đây là lời trình bày phản đối của nguyên đơn đối với yêu cầu phản tố của bị đơn mới đúng, nên Tòa án cấp phúc thẩm nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án:

[5] Nguyên đơn ông G khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Thạch Trường S trả vốn gốc 1.050.000.000 đồng theo Giấy biên nhận tiền ngày 06/11/2022; tiền lãi từ ngày 06/11/2022 đến ngày 06/10/2023 trên vốn gốc 1.500.000.000 đồng x 1.67% x 11 tháng = 275.550.000 đồng và từ ngày 07/10/2023 đến ngày 25/9/2024 trên vốn gốc 1.050.000.000 đồng x 1.67% x 11 tháng 18 ngày = 203.406.000 đồng. Tổng cộng số lãi: 478.956.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.528.956 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định của số tiền gốc đến khi thanh toán dứt nợ.

[6] Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn xin rút với số tiền 1.090.500.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc nguyên đơn hoàn trả số tiền lãi đã đóng vượt quy định của pháp luật sau khi trừ hết tiền vốn vay là 169.190.000 đồng.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn ông Thạch Trường S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem lại toàn bộ bản án số 78/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu 1 của ông G. Buộc ông G trả cho ông S số tiền 169.190.000 đồng tiền đóng lãi vượt quá quy định của pháp luật sau khi đã khấu trừ các khoản vốn và lãi theo quy định. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. **Xét thấy,**

[7.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số vốn gốc 1.050.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp Giấy biên nhận tiền ngày 06/11/2022 có nội dung: “*Hôm nay, ngày 06/11/2022, tại ấp Qui A, xã T, LP, ST. Tôi tên (bên nhận): Thạch Trường S, số chứng nhân dân: 094076014825, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, LP, ST có nhận của ông (bà) Trần Minh Trường G, số tiền là 1.500.000.000, bằng chữ: Một tỷ, năm trăm triệu đồng. Lý do: Mượn hạn Ngân*”. Phía dưới bên nhận có chữ ký, chữ viết tên Thạch Trường S; bên giao có chữ ký và chữ viết tên Trần Minh Trường G. Bị đơn ông Thạch Trường S thừa nhận vào ngày 06/11/2022 ông có viết nội dung tờ nhận là đúng, không phản đối tài liệu, văn bản nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Khoản Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là chứng cứ, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định: ông Thạch Trường S có vay ông Trần Minh Trường G số tiền 1.500.000.000 đồng, nhưng ông Trần Minh Trường G thừa nhận đã được ông Thạch Trường S trả số tiền

450.000.000 đồng, nên ông Thạch Trường S còn nợ ông Trần Minh Trường G số tiền 1.050.000.000 đồng là có căn cứ.

[7.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất: Theo Giấy biên nhận tiền ngày 06/11/2022, không ghi nhận các bên có thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn trình bày có thỏa thuận trả lãi 6%/tháng, bị đơn cũng thừa nhận vay có lãi, theo lãi suất 6%/tháng theo quy định khoản Điều 92 Bộ luật tố dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh, việc xác định “các bên vay có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng”. Theo quy định tại Khoản Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...”. Như vậy, các bên vay có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng là vượt quá quy định tại Khoản Điều của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định lại nghĩa vụ về lãi suất các bên là không được vượt 20%/năm là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất 1,67%/tháng là vượt trên 20%/ năm tức là trên 20,04%/năm, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều của Bộ luật Dân sự là mức lãi suất 1,66%/ tháng.

[7.3] Nguyên đơn trình bày từ khi vay vào ngày 06/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm thì bị đơn chưa trả lãi, nhưng nguyên đơn thừa nhận đến ngày 06/10/2023 bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng, nên nguyên đơn yêu cầu hai khoản tiền lãi, cụ thể như sau:

[7.3.1] Từ khi vay (ngày 06/11/2022 đến ngày 06/10/2023), bị đơn phải chịu lãi suất trên khoản vay 1.500.000.000 đồng:  $1.500.000.000đ \times 1,66\% \times 11 \text{ tháng} = 273.900.000 \text{ đồng}$ .

[7.3.2] Số tiền lãi từ ngày 07/10/2023 đến ngày 25/9/2024, bị đơn phải chịu lãi suất trên khoản vay gốc còn lại là 1.050.000.000 đồng:  $1.050.000.000đ \times 1,66\% \times 11 \text{ tháng} 18 \text{ ngày} = 202.188.000 \text{ đồng}$ .

[7.3.3] Tổng cộng vốn lẫn lãi là 1.526.088.000 đồng [(lãi là 273.900.000 đồng + 202.188.000 đồng) = 476.088.000 đồng + vốn gốc 1.050.000.000 đồng].

[7.4] Bị đơn ông Thạch Trường S trình bày và yêu cầu phản tố: Ông G có cho ông S vay tiền bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Ngày 27/10/2022, ông G chuyển cho ông S vay 100.000.000 đồng; ngày 28/10/2022 chuyển khoản 400.000.000 đồng. Ngày 01/11/2022, chuyển khoản hai lần, mỗi lần 499.999.999 đồng. Tổng cộng là 1.499.999.999 đồng. Đến ngày 06/11/2022, ông S và ông G tổng kết nợ và ông S viết cho ông G một tờ biên nhận với số nợ là 1.500.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền, ông S chuyển khoản cho nguyên đơn với số tiền 1.599.950.000 đồng. Nên ông Thạch Trường S yêu cầu phản tố: Buộc ông Trần Minh Trường G trả lại cho ông S số tiền lãi đã đóng vượt quy định của pháp luật sau khi trừ hết tiền vốn vay là 169.190.000 đồng thì xét thấy:

[7.4.1] Xét lời trình bày và yêu cầu phản tố của bị đơn ông Thạch Trường S cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn, thì thấy rằng đối với các lần chuyển khoản cho nguyên đơn ông G, cũng được nguyên đơn ông G thừa nhận là nhận chuyển khoản, nhưng việc chuyển khoản không có ghi nhận nội dung chuyển khoản cụ thể trả vốn vay của khoản nào, trả lãi cho khoản vay theo tờ Giấy nhận ngày 06/11/2022 hay khoản vay khác và hai bên thừa nhận có vay cả tiền mặt và chuyển khoản cho nhau, nhưng phía bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện tờ Giấy nhận tiền ngày 06/11/2022 là tổng nợ các lần

chuyển khoản trước đó hay vay tiền mặt, các lần chuyển khoản sau đó là trả lãi cho khoản vay theo tờ Giấy nhận ngày 06/11/2022 hay khoản vay mượn khác, nên ông S cho rằng số tiền lãi đã đóng vượt quy định của pháp luật sau khi trừ hết khoản tiền vay nợ gốc còn dư, từ đó bị đơn phản tố yêu cầu Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải trả cho ông S số tiền là 169.190.000 đồng. Do không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bị đơn trả lãi vượt quy định, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[7.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo là có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét.

[8] Từ những phân tích tại các tiêu mục [7.1] đến [7.5] mục [7] thì Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cho rằng: Giữa nguyên đơn và bị đơn có tham gia nhiều giao dịch với nhau, nhưng xét phạm vi khởi kiện của nguyên đơn theo tờ Giấy biên nhận ngày 06/11/2022 mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ, bị đơn cho rằng đã trả nợ xong và trả lãi vượt so với số tiền nguyên đơn yêu cầu, mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 463 và Điều của Bộ luật Dân sự 2015 xác định ông Thạch Trường S còn nợ ông Trần Minh Trường G số tiền vốn gốc là 1.050.000.000 đồng và lãi suất theo nhận định tiêu mục [7.3.3] mục [7.3] và ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên nguyên đơn G khởi kiện yêu cầu phía bị đơn ông S trả phần tiền nợ gốc và lãi suất là có căn cứ chấp nhận. Do đó, kháng cáo của ông S phần này không có căn cứ chấp nhận.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Thạch Trường S là không có căn cứ chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm giữ nguyên, nên bị đơn ông S phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thạch Trường S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 78/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng như sau:



Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh Trường G:việc yêu cầu bị đơn ông Thạch Trường S trả số tiền 1.090.500.000 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, năm trăm nghìn).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh Trường G:ông Thạch Trường S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Minh Trường G số tiền 1.526.088.000 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi sáu triệu, không trăm tám mươi tám nghìn đồng). Trong đó (Nợ gốc: 1.050.000.000 đồng, nợ lãi 476.088.000 đồng) theo tờ “Giấy biên nhận tiền ngày 06/11/2022”.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền lãi vượt quy định 169.190.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

### 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.461.000 (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một ngàn) đồng theo Biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003287 ngày 09/4/2024 và số tiền 22.357.500 (Hai mươi hai triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo Biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005484 ngày 24/6/2024 cùng của Cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

4.2. Bị đơn phải chịu án phí với số tiền 57.868.680 đồng và 8.459.500 đồng, tổng là 66.328.180 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.229.750 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003394 ngày 20/5/2024 của Chi cục hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị đơn còn phải nộp thêm 62.098.430 đồng (Sáu mươi hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

5. Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Thạch Trường S phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp là 300.000

đồng theo Biên lai thu số 0006701 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú. Như vậy, ông S đã nộp xong án phí phúc thẩm.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HSVA-VP.

**Hồ Văn Phụng**

